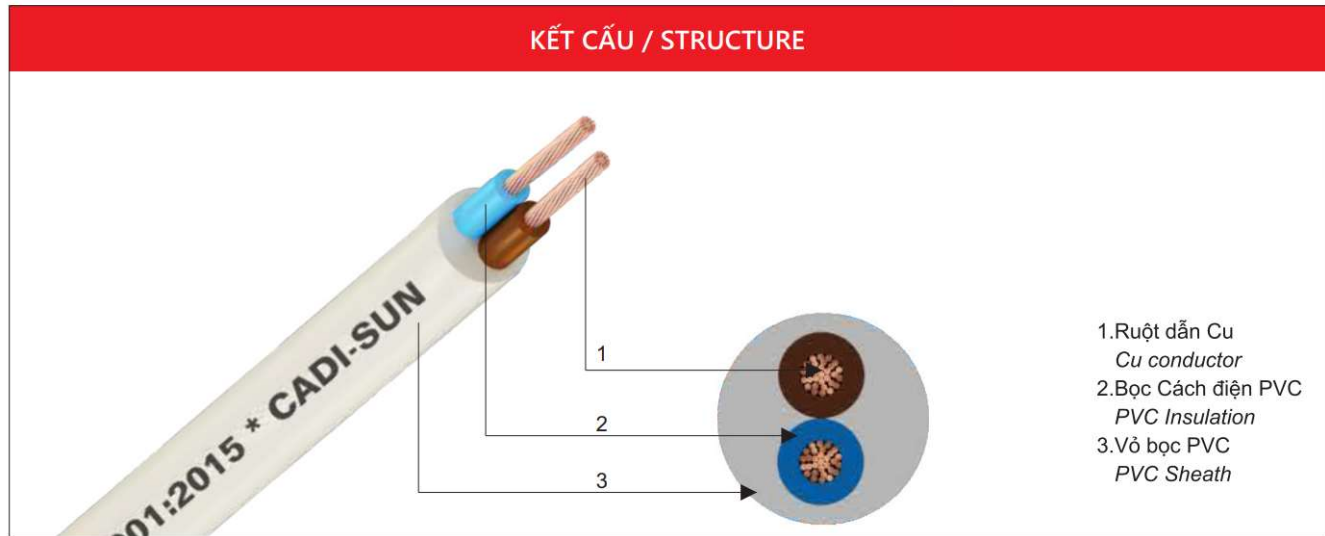


DÂY MỀM TRÒN NHIỀU RUỘT - VCTF (300V/500V)

SOFT ROUND WIRE MULTY CORES - VCTF (300V/500V)



Tiêu chuẩn áp dụng / Application standard: TCVN 6610-5 / IEC 60227-5

STT No.	Mặt cắt danh định Nominal area	Kết cấu ruột dẫn Conductor structure		Chiều dày cách điện PVC Thickness of insulation PVC	Chiều dày vỏ bọc PVC Thickness of sheath PVC	Đường kính ngoài gắn đúng Approx. overall diameter	Điện trở một chiều lớn nhất của ruột dẫn ở 20°C Approx. Max conductor D.C. resistance at 20°C	Khối lượng gắn đúng Approx. Weight	Chiều dài đóng gói Packed length
		Số sợi No. Of wires	ĐK. sợi danh nghĩa Nominal wire diameter						
	mm ²		mm	mm	mm	mm	Ω/km	kg/cuộn	m
1	2x0.75	30	0.177	0.6	0.8	6.4	26.0	11.9	200
2	2x1.0	30	0.22	0.6	0.8	6.7	19.5	13.4	200
3	2x1.5	30	0.24	0.7	0.8	7.7	13.3	18.1	200
4	2x2.5	50	0.24	0.8	1.0	9.3	7.98	27.2	200
5	2x4.0	52	0.30	0.8	1.1	10.7	4.95	38.9	200
6	2x6.0	80	0.30	0.8	1.2	12.1	3.30	52.6	200
1	3x0.75	30	0.177	0.6	0.8	6.8	26.0	14.2	200
2	3x1.0	30	0.20	0.6	0.8	7.3	19.5	16.8	200
3	3x1.5	30	0.24	0.7	0.9	8.4	13.3	22.7	200
4	3x2.5	50	0.24	0.8	1.1	10.1	7.98	34.2	200
5	3x4.0	52	0.30	0.8	1.1	11.4	4.95	48.1	200
6	3x6.0	80	0.30	0.8	1.4	13.3	3.30	68.3	200
1	4.075	30	0.177	0.6	0.8	7.4	26.0	17.4	200
2	4x1.0	30	0.20	0.6	0.9	8.0	19.5	20.8	200
3	4x1.5	30	0.24	0.7	1.0	9.4	13.3	28.9	200
4	4x2.5	50	0.24	0.8	1.1	11.1	7.98	42.8	200
5	4x4.0	52	0.30	0.8	1.2	12.7	4.95	60.3	200
6	4x6.0	80	0.30	0.8	1.4	14.6	3.30	84.4	200
1	5x0.75	30	0.177	0.6	0.9	8.7	26.0	24.2	200
2	5x1.0	30	0.20	0.6	0.9	9.1	19.5	27.6	200
3	5x1.5	30	0.24	0.7	1.1	10.9	13.3	39.7	200
4	5x2.5	50	0.24	0.8	1.2	12.7	7.98	57.2	200
5	5x4.0	52	0.30	0.8	1.3	14.5	4.95	80.1	200
6	5x6.0	80	0.30	0.8	1.4	16.3	3.30	109.1	200

Giá trị danh nghĩa là cơ sở của các giá trị cần được kiểm tra bằng phép đo có tính đến các dung sai qui định

Nominal values give rise to values to be checked by measurements taking into account specified tolerances

Ngoài các sản phẩm có trong bảng, các sản phẩm khác cũng được sản xuất với quy cách TSKT theo yêu cầu của khách hàng

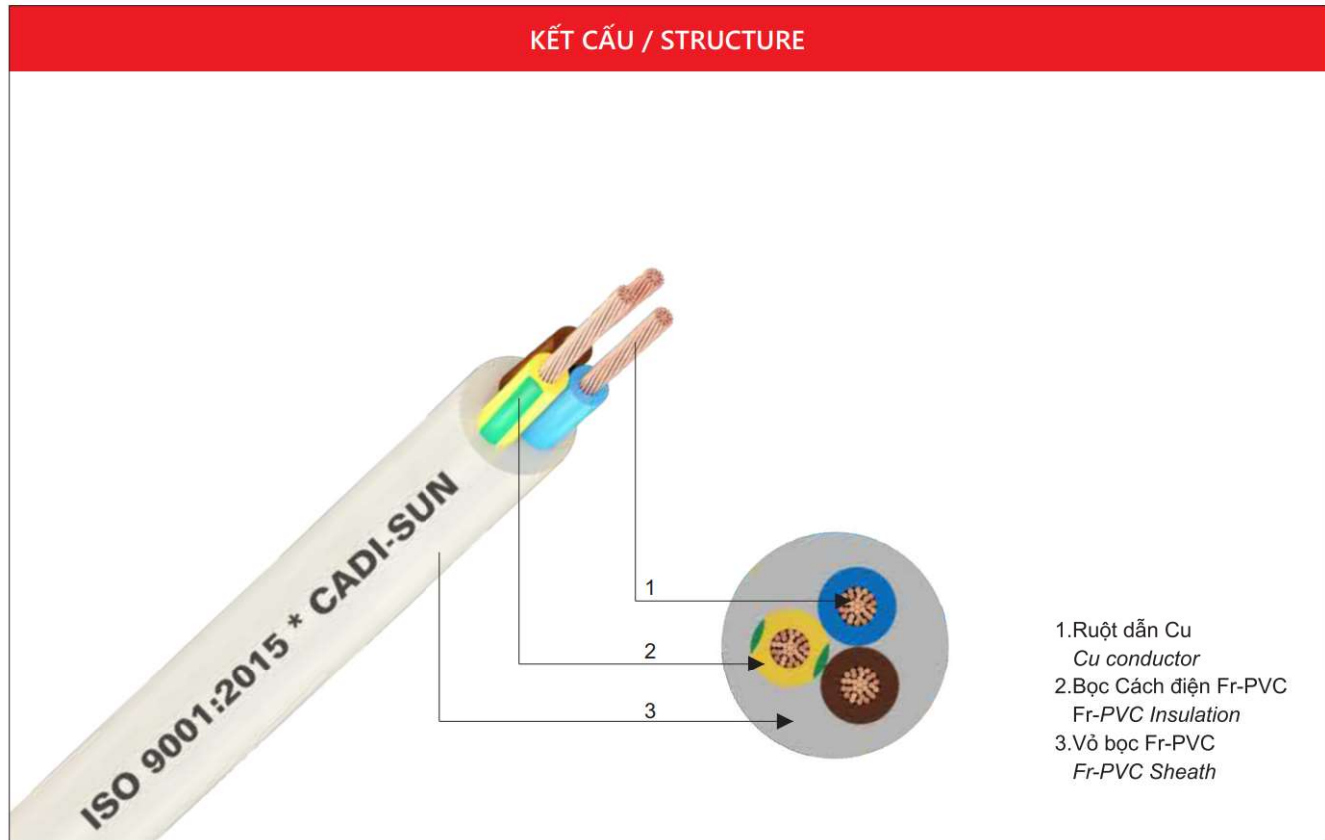
In addition to products listed in the table above, the others products are also provided according to requirement of the customers

CADI-SUN giữ quyền thay đổi kiểu dáng, thông tin và đặc tính kỹ thuật trong catalogue này mà không cần báo trước

CADI-SUN reserves the right to change designs, information and specifications which contained in this catalogue without prior notice

DÂY MỀM TRÒN NHIỀU RUỘT CHẬM CHÁY FSN-VCTF (300V/500V)

SOFT ROUND WIRE MULTY CORES FLAME RETARDANT FSN-VCTF (300V/500V)



Tiêu chuẩn áp dụng / Application standard: TCVN 6610-5 / IEC 60227-5, IEC 60332-3-24

STT No.	Mặt cắt danh định Nominal area	Kết cấu ruột dẫn Conductor structure		Chiều dày cách điện Fr-PVC danh định Nominal Fr-PVC insulation thickness	Chiều dày vỏ bọc Fr-PVC Fr-PVC sheath thickness	Đường kính ngoài gần đúng Approx overall diameter	Chiều dài đóng gói Packed length	Khối lượng dây gần đúng Approx wire weight	Điện trở một chiều ruột dẫn lớn nhất ở 20°C Max. conductor resistance at 20°C
		Số sợi No. of wires	Đường kính sợi danh nghĩa Nominal wire diameter						
	mm ²	No.	mm	mm	mm	mm	m/cuộn	kg/cuộn	Ω/km
1	2x0.75	30	0.177	0.6	0.8	6.4	200	12.5	26.0
2	2x1.0	30	0.20	0.6	0.8	6.7	200	14.1	19.5
3	2x1.5	30	0.24	0.7	0.8	7.7	200	18.9	13.3
4	2x2.5	50	0.24	0.8	1.0	9.3	200	28.4	7.98
5	2x4.0	52	0.30	0.8	1.1	10.7	200	39.9	4.95
6	2x6.0	80	0.30	0.8	1.2	12.1	200	53.8	3.30
1	3x0.75	30	0.177	0.6	0.8	6.8	200	14.9	26.0
2	3x1.0	30	0.20	0.6	0.8	7.3	200	17.6	19.5
3	3x1.5	30	0.24	0.7	0.9	8.4	200	23.7	13.3
4	3x2.5	50	0.24	0.8	1.1	10.1	200	35.8	7.98
5	3x4.0	52	0.30	0.8	1.1	11.4	200	49.1	4.95
6	3x6.0	80	0.30	0.8	1.4	13.3	200	69.7	3.30

Giá trị danh nghĩa là cơ sở của các giá trị cần được kiểm tra bằng phép đo có tính đến các dung sai qui định

Nominal values give rise to values to be checked by measurements taking into account specified tolerances

Ngoài các sản phẩm có trong bảng, các sản phẩm khác cũng được sản xuất với quy cách TSKT theo yêu cầu của khách hàng

In addition to products listed in the table above, the others products are also provided according to requirement of the customers

CADI-SUN giữ quyền thay đổi kiểu dáng, thông tin và đặc tính kỹ thuật trong catalogue này mà không cần báo trước

CADI-SUN reserves the right to change designs, information and specifications which contained in this catalogue without prior notice